

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 15-5-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Út Nhỏ**

2. Ông **Nguyễn Văn Trường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: bà **Thị Kim Lai** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Châu N**, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo uỷ quyền của ông **Châu N**: ông **Trình Hoàng K**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Bà **Thị Việt T**, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2024 và bản tự khai của nguyên đơn ông **Châu N** cũng như lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền của ông **N** là ông **Trình Hoàng K** như sau: Ông **N** và bà **T** có quen biết bạn bè với nhau nên trong năm

2023 bà T có hỏi vay tiền ông N nhiều lần, lúc đầu bà T vay và có trả nhưng khoảng thời gian sau bà T tiếp tục vay mà không trả, tổng số tiền vay gốc là 65.000.000đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và bà T có viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 25/12/2023 với nội dung bà T vay số tiền 65.000.000đồng và cam kết đến ngày 01/01/2024 sẽ trả đủ số tiền nợ cho ông N. Đến hạn bà T không trả nên ông N đã gửi đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp 4, xã V giải quyết. Tại biên bản xác minh trực tiếp làm việc với bà T của Ban lãnh đạo ấp 4 là nơi bà T cư trú và sinh sống vào ngày 30/6/2024 thì bà T thừa nhận có nợ ông Châu N nhưng bà T không đủ khả năng trả hết nợ một lần mà xin trả dần mỗi tháng từ 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Đến ngày 05/7/2024 Ban lãnh đạo ấp 4 tiếp tục hòa giải vụ việc có mặt ông Châu N và bà T thì bà T vẫn thừa nhận có nợ của ông N số tiền 65.000.000đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) và xin trả dần nhiều lần cho đến khi hết nợ nhưng ông N không đồng ý mà yêu cầu bà T trả đủ số tiền nợ trong thời gian một tháng, hai bên không thống nhất thời gian trả nợ nên ông Châu N khởi kiện đến Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Châu N là ông Trình Hoàng K cũng khẳng định từ ngày vay đến nay thì bà T vẫn chưa trả cho ông N khoản tiền nào. Vì vậy, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết theo nội dung đơn khởi kiện của ông Châu N là yêu cầu Tòa án buộc một mình bà Thị Việt T phải có nghĩa vụ trả cho ông Châu N số tiền nợ là 65.000.000đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần số tiền nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông K không yêu cầu gì thêm.

** Đối với bị đơn bà Thị Việt T không có mặt tại phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng bà T không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà.

**** Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu N buộc bà Thị Việt T phải cho ông N số tiền nợ 65.000.000đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Ông Châu N khởi kiện yêu cầu bà Thị Việt T phải trả số tiền nợ 65.000.000đồng. Bị đơn có địa chỉ tại ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Thị Việt T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu N: Vào năm 2023 do có quen biết với nhau nên bà T có hỏi vay tiền ông N nhiều lần, lúc đầu bà T vay và có trả nhưng khoảng thời gian sau bà T tiếp tục vay mà không trả, tổng số tiền vay gốc là 65.000.000đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và bà T có viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 25/12/2023 với nội dung bà T vay số tiền 65.000.000đồng và cam kết đến ngày 01/01/2024 sẽ trả đủ số tiền nợ cho ông N; do bà T không trả nợ nên ông N khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 65.000.000đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông N cho rằng bà T có nợ ông số tiền 65.000.000đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với biên nhận nợ mà bà T viết ngày 25/12/2023 và phù hợp với nội dung làm việc của Ban lãnh đạo ấp D, xã V, huyện G được thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 30/6/2024 và Biên bản hòa giải ngày 05/7/2024 thì bà T đều thừa nhận có nợ ông Châu N số tiền 65.000.000đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) là sự thật. Tại phiên tòa, ông K cũng khẳng định từ ngày vay đến nay bà T chưa trả cho ông N khoản nào. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Châu N là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Thị Việt T: Khi bà T vay nợ của ông N và có viết biên nhận nợ thì bà T có viết địa chỉ cụ thể, rõ ràng tại ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang trong biên nhận nợ và đồng thời quá trình Ban lãnh đạo ấp D, xã V làm việc thì bà T vẫn hợp tác và bà T thừa nhận có nợ ông N. Do bà T không trả nợ nên ông N làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Tuy nhiên, bà T không có thông báo cho chính quyền địa

phương và ông Châu N về việc thay đổi nơi cư trú và xét đơn khởi kiện của ông N đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bà T theo Giấy vay nợ nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung*”. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy bà T thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về; tuy nhiên, có mẹ ruột bà T vẫn còn ở địa phương nên Tòa án có tổng đạt các thủ tục tố tụng cho mẹ ruột bà T nhận thay nhưng mẹ ruột bà T không đồng ý nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà T theo quy định nhưng bà T vẫn không có mặt không có lý do và bà T cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông N cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của bà T.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về nội dung vụ án giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $65.000.000\text{đồng} \times 5\% = 3.250.000\text{đồng}$ buộc bà T phải có nghĩa vụ nộp.

Yêu cầu của ông N được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà ông N đã nộp là 1.620.000đồng theo biên lai thu tiền số 0006149 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 177, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu N.

Buộc: bà Thị Việt T phải có nghĩa vụ trả cho ông Châu N số tiền 65.000.000đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T chưa trả đủ số tiền nêu trên thì bà T còn phải chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 3.250.000đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) buộc bà T phải có nghĩa vụ nộp.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà ông N đã nộp là 1.620.000đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006149 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 15/5/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh